TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN ĐỘNG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 01/4/2022
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lã Văn Minh.

Bà Hoàng Thị Chung.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 89/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 02/2022/TB-TA ngày 23/02/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/QĐST-HNGĐ ngày 04/3/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nịnh Thị S, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn M, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn S, sinh năm 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn M, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn chị Nịnh Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và đăng ký kết hôn tại UBND xã A (nay là xã V), huyện S vào ngày 09/01/2007. Sau khi kết hôn chị về nhà anh S làm dâu ngay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống, anh S thỉnh thoảng đi uống rượu về có chửi bới, đánh đập chị. Vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 01/2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn S.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Lê Văn H1, sinh ngày 18/2/2008 và cháu Lê Văn H2, sinh ngày 25/2/2012. Nay ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cho chị được trực tiếp nuôi cháu H1, anh Lê Văn S trực tiếp nuôi cháu H2. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng.

Tại phiên hòa giải ngày 19/01/2022 chị đồng ý để anh S nuôi dưỡng cả cháu H1 và cháu H2. Anh S không yêu cầu chị phải cấp dưỡng nuôi con chung thì chị không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn cùng chị Nịnh Thị S trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A (nay là xã V) ngày 09/01/2007. Sau khi kết hôn chị S về gia đình anh sinh sống cùng anh ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì, nhưng từ tháng 8/2021 thì vợ chồng đã ly thân. Nay chị S có đơn xin ly hôn với anh thì anh không đồng ý vì anh muốn chị S về chung sống để làm ăn phát triển kinh tế gia đình và nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là cháu Lê Văn H1, sinh ngày 18/2/2008 và cháu Lê Văn H2, sinh ngày 25/2/2012. Trường hợp phải ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi cả 2 cháu, anh không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bị đơn anh Lê Văn S đồng ý ly hôn với chị Nịnh Thị S và đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Lê Văn H1, sinh ngày 18/2/2008 và cháu Lê Văn H2, sinh ngày 25/2/2012. Anh không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động:

- Việc thụ lý vụ án của Tòa án: Việc giao nhận thông báo thụ lý cho VKS và cho đương sự đúng theo quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS.

- Thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án: đúng theo quy định của pháp luật tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

- Việc xác định mối quan hệ pháp luật: Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình theo đúng quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xác định vụ việc thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: đúng theo khoản 2 Điều 21 BLTTDS.

- Việc xác định tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn: đúng theo Điều 68 BLTTDS.

- Việc Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ: tiến hành lấy lời khai của đương sự, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải được là đúng theo quy định tại các Điều 98, 205, 208, 209, 210, 211 BLTTDS

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 của BLTTDS.

- Về quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đã ghi đầy đủ nội dung theo khoản 1 Điều 220 BLTTDS.

- Về thời hạn Tòa án gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: Tòa án chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 BLTTDS.

- Về việc giao các văn bản của Toà án cho đương sự: Đã tiến hành cấp, tống đạt các văn bản của Toà án đến đương sự đúng theo quy định tại Điều 177, Điều 178 BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, xử:

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nịnh Thị S được ly hôn với anh Lê Văn S.

2- Về con chung: Giao cho anh Lê Văn S là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu cháu Lê Văn H1, sinh ngày 18/02/2008 và cháu Lê Văn H2, sinh ngày 25/02/2012. Chị Nịnh Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nịnh Thị S được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị S thực hiện quyền này.

3- Về án phí: Chị Nịnh Thị S không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

4- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nịnh Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang giải quyết việc hôn nhân của chị và anh Lê Văn S, có địa chỉ tại thôn M, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nịnh Thị S vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt Sáu nhưng chị S đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nịnh Thị S kết hôn với anh Lê Văn S trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A (nay là xã V), huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang ngày 09/01/2007. Chị S cũng đã cung cấp được trích lục kết hôn. Như vậy hôn nhân của chị S và anh S là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị và anh S đã sống ly thân từ khoảng tháng 01/2021 đến nay nên chị đề nghị được ly hôn với anh S. Tại phiên tòa anh S cũng thừa nhận anh và chị S đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai và anh cũng đồng ý ly hôn với chị S. Như vậy, có thể thấy tình cảm vợ chồng giữa chị S và anh S không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị Nịnh Thị S được ly hôn với anh Lê Văn S.

[4] Về con chung: Chị S và anh S đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Văn H1, sinh ngày 18/02/2008 và cháu Lê Văn H2, sinh ngày 25/02/2012. Khi ly hôn anh S đề nghị được nuôi dưỡng cháu H1 và cháu H2 thì chị S cũng đồng ý và nguyện vọng của các cháu đều muốn ở với anh S. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự và phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần giao cháu Lê Văn H1, sinh ngày 18/02/2008 và cháu Lê Văn H2, sinh ngày 25/02/2012 cho anh Lê Văn S trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh S không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị S và anh S đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Do chị S thuộc diện hộ nghèo nên không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nịnh Thị S được ly hôn với anh Lê Văn S.

2- Về con chung: Giao cho anh Lê Văn S là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Lê Văn H1, sinh ngày 18/02/2008 và cháu Lê Văn H2, sinh ngày 25/02/2012. Chị Nịnh Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nịnh Thị S được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị S thực hiện quyền này.

3- Về án phí: Chị Nịnh Thị S không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

4- Về quyền kháng cáo: Báo cho bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- UBND xã V, huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu: HS+VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Ngô Văn Quang